

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VÀ NHỮNG THÁCH THỨC ĐẶT RA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Hồ Thị Duyên

Trường Đại học Vinh

Ngày nhận bài 10/11/2021, ngày nhận đăng 28/12/2021

Tóm tắt: Tháng 6 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, trong đó, giáo dục là lĩnh vực trọng tâm. Sứ mệnh tiên phong được trao cho giáo dục đại học với mục tiêu rút ngắn quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi số quốc gia. Bài báo nghiên cứu khái niệm chuyển đổi số ở các phương diện tiếp cận khác nhau và sự tác động tới các chủ thể liên quan, đồng thời, phân tích vấn đề chuyển đổi số trong giáo dục đại học, có liên hệ với giáo dục đại học truyền thống ở Việt Nam để thấy được những bất cập của mô hình giáo dục đại học hiện nay và sự cần thiết phải thực hiện quá trình chuyển đổi số. Bài báo cũng chỉ ra những thách thức phải đối mặt để xây dựng chiến lược và đề xuất các giải pháp phù hợp, đảm bảo sự thành công của chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam.

Từ khoá: Chuyển đổi số; giáo dục đại học; công nghệ thông tin; Covid-19; trực tuyến.

1. Đặt vấn đề

Khi đại dịch Covid-19 kéo dài, trường học đóng cửa, người học không thể đến trường, hoạt động đào tạo bị gián đoạn. Bởi vì lần đầu tiên đặt trong tình huống này nên ngành giáo dục không tránh khỏi những lúng túng, khó khăn, vướng mắc. Bối cảnh đó đã đòi hỏi phải có sự thay đổi mạnh mẽ, cấp bách; yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

Trước hết, bài báo làm rõ khái niệm chuyển đổi số và tác động của chuyển đổi số tới Nhà nước, các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân. Tiếp đó, bài báo nghiên cứu về chuyển đổi số trong giáo dục đại học để thấy được những bất cập của giáo dục truyền thống, đặc biệt là trong đại dịch Covid 19; đồng thời, chỉ rõ được những thách thức mà các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam phải đối mặt trong quá trình chuyển đổi số.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chuyển đổi số là gì?

Trong thời gian gần đây, chuyển đổi số là thuật ngữ được nhắc đến nhiều ở các hội nghị, hội thảo, văn bản và công trình nghiên cứu. Trước hết, chuyển đổi số thường được sử dụng trong lĩnh vực kinh doanh, tuy nhiên, nó cũng tác động đến các cơ quan nhà nước, các tổ chức y tế, giáo dục... bằng cách sử dụng một hoặc nhiều công nghệ hiện đại. Có quan điểm cho rằng “Chuyển đổi số là sự thay đổi về văn hóa, tổ chức và hoạt động của một tổ chức, ngành hoặc hệ sinh thái bằng cách tích hợp các công nghệ, quy trình và năng lực công nghệ ở tất cả các cấp độ và chức năng theo cách có tổ chức và chiến lược” (I-Scoop, 2020).

Hầu hết, các công ty công nghệ đều cho rằng chuyển đổi số là “việc tư duy lại cách thức các tổ chức tập hợp mọi người, dữ liệu và quy trình để tạo những giá trị mới” (Microsoft, 2020).

Theo các nhà nghiên cứu thuộc dự án Enterprisers, chuyển đổi số sẽ trông khác nhau đối với mọi chủ thể, có thể khó xác định một định nghĩa áp dụng cho tất cả. Tuy nhiên, họ cũng cho rằng, chuyển đổi số là sự tích hợp công nghệ vào tất cả các lĩnh vực của một tổ chức, dẫn đến những thay đổi cơ bản đối với hoạt động của tổ chức đó (The enterprisers project, 2016).

Mặc dù có nhiều cách định nghĩa khác nhau, tuy nhiên, tất cả đều thống nhất chuyển đổi số là sự thay đổi từ cách thức tổ chức, vận hành truyền thống sang cách thức tổ chức, hoạt động mới với vai trò quan trọng của công nghệ bằng cách áp dụng các công nghệ mới như dữ liệu lớn (big data), internet vạn vật (IOT), điện toán đám mây (cloud), làm thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc, văn hóa truyền thống.

Chuyển đổi số có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển xã hội và của mỗi tổ chức, cá nhân.

Đối với nhà nước, trong xu thế toàn cầu, mỗi quốc gia không thể đứng ngoài cuộc, các nhà lãnh đạo, người đứng đầu các quốc gia đã có nhận thức được sự tác động của chuyển đổi số trong tương lai và đã có những quyết sách, chiến lược phát triển của quốc gia. Các quốc gia ứng dụng công nghệ để xây dựng “Chính phủ điện tử”, thay đổi trong quản lý điều hành của các cơ quan trực thuộc; đồng thời, xác định mục tiêu, chiến lược, xây dựng hành lang pháp lý cho các ngành, các lĩnh vực thực hiện chuyển đổi số. Chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan nhà nước sẽ làm cho mô hình và phương thức hoạt động của các bộ phận trong thay đổi, các nhân viên công vụ cũng cần thay đổi về chuyên môn, kỹ năng để có thể đáp ứng được yêu cầu của bối cảnh mới.

Đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, chuyển đổi số đã rút ngắn được khoảng cách trong nội bộ tổ chức, doanh nghiệp và khoảng cách với bên ngoài; góp phần làm minh bạch, công khai thông tin giữa các bộ phận với nhau; tăng năng suất lao động của người lao động, giảm bớt chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh của tổ chức.

Đối với mỗi cá nhân, chuyển đổi số mang lại cho họ nhiều cơ hội trong học tập, chăm sóc sức khỏe, tiêu dùng; trong thực hiện các thủ tục hành chính và phát triển các mối quan hệ xã hội. Chuyển đổi số cũng giúp mỗi cá nhân tiết kiệm được thời gian, chi phí, đồng thời, tự ý thức hoặc bắt buộc phải phát triển bản thân để đáp ứng được yêu cầu của bối cảnh, điều kiện mới.

Trong bối cảnh kinh tế, xã hội hiện tại, cùng với sự tác động mạnh mẽ của chuyển đổi số, phát triển về công nghệ đã đặt ra sự cần thiết phải thực hiện chiến lược chuyển đổi số trong các lĩnh vực. Chuyển đổi số không phải là thời điểm, gắn với một công việc cụ thể mà là quá trình có nhiều giai đoạn, với các mục tiêu, chiến lược khác nhau dẫn đến thay đổi các quy trình, tương tác, giao dịch so với hiện tại tổ chức. Để thực hiện quá trình chuyển đổi số thành công, cần có sự nhận thức đầy đủ và khoa học về nó.

Mặc dù chuyển đổi số có những đặc điểm, mục tiêu và các thách thức chung nhưng trong mỗi quốc gia, mỗi ngành, mỗi khu vực và trong mỗi tổ chức sẽ có những đặc thù riêng. Ngành giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng cũng không là ngoại lệ.

2.2. Chuyển đổi số trong giáo dục đại học

Ứng dụng công nghệ trong giáo dục không phải là vấn đề mới. Hơn 20 năm qua, công nghệ đã đóng một vai trò quan trọng trong hoạt động dạy và học. Giáo viên đã sử dụng máy tính, internet để xây dựng bài giảng, nghiên cứu và trao đổi thông tin. Sinh viên đã sử dụng nền tảng số để làm việc nhóm, tra cứu tài liệu, hoàn thành các bài tập. Tài liệu học tập và dữ liệu quản lý được khuyến khích số hoá để lưu trữ và chia sẻ. Không ít giảng viên, sinh viên đã tham gia dạy và học ở các lớp học trực tuyến trong và ngoài chương trình đào tạo chính thức. Đôi lúc, công nghệ hỗ trợ trong việc giao tiếp giữa giảng viên và sinh viên. Tuy nhiên, khi đó, hoạt động dạy và học được là giải pháp khuyến khích, ưu tiên lựa chọn là điểm cộng trong đánh giá chất lượng, thi đua của giảng viên, của cơ sở đào tạo. Hoạt động quản lý, vận hành cơ sở giáo dục đại học cũng từng bước ứng dụng công nghệ nhiều hơn, sâu hơn.

Thực tiễn các cơ sở đào tạo đại học ở Việt Nam hiện nay cho thấy, giáo dục đại học theo phương pháp truyền thống vẫn được sử dụng phổ biến. Ứng dụng công nghệ thông tin trong đào tạo đại học gần như chỉ đóng vai trò hỗ trợ, chưa tham gia trực tiếp vào quá trình dạy và học. Một số cơ sở đào tạo sử dụng elearning vào hoạt động đào tạo nhưng thường sử dụng trong việc cung cấp học liệu, giao bài và nộp bài, công bố kết quả đánh giá. Trong tổ chức, quản lý và hoạt động nhà trường, công nghệ thông tin được sử dụng chủ yếu vào hoạt động quảng bá, giới thiệu hình ảnh. Ở một mức độ nhất định, các cơ sở đào tạo đã ứng dụng công nghệ vào trong quản lý, điều hành nhà trường. Giáo dục truyền thống đã và đang phát huy được những mặt tích cực, mang lại hiệu quả nhất định cho ngành giáo dục trong suốt chiều dài lịch sử.

Đứng trước những bất cập của giáo dục truyền thống, ngành giáo dục của các quốc gia nói chung và của Việt Nam nói riêng, yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục được ưu tiên, lựa chọn phát triển, thay đổi mạnh mẽ - đặc biệt, từ năm 2020, khi đại dịch Covid 19 bùng phát trên khắp các quốc gia. Sau một đêm thức giãc, các quốc gia ban bố lệnh cấm tụ tập đông người, cấm kinh doanh trực tiếp, khuyến khích làm việc từ xa, các cuộc hội nghị trực tiếp không cấp thiết được hoãn lại, trường học đóng cửa; việc di chuyển giữa các vùng miền trong nước và dịch chuyển xuyên quốc gia trở nên khó khăn, chuyển đổi số dường như trở thành giải pháp hữu hiệu nhất để các doanh nghiệp kinh doanh có thể tồn tại, trường học có thể hoạt động, học sinh không phải dừng học. Nói như vậy không có nghĩa là trước đây vai trò của công nghệ không cao, các doanh nghiệp không quan tâm đến chuyển đổi số, các cơ sở đào tạo không quan tâm đến ứng dụng khoa học công nghệ. Khi đó, ứng dụng công nghệ được coi là phương tiện làm việc hữu ích, được khuyến khích, ưu tiên áp dụng.

Chuyển đổi số trong giáo dục đại học không dừng lại ở việc chuẩn bị các bài giảng điện tử, video âm thanh, hình ảnh truyền tải kiến thức, hay những buổi học tin học. Chuyển đổi số cũng chỉ là thực hiện các buổi tư vấn tuyển sinh trực tuyến, đăng ký học trực tuyến hay việc quản lý nội bộ nhà trường thực hiện thông qua email, kết nối nội bộ mà yêu cầu cấp thiết là thực hiện chuyển đổi toàn diện, xây dựng xã hội số, “chuyển đổi toàn bộ trường đại học thành một “quốc gia số” thu nhỏ. Toàn bộ hoạt động của trường đại học, của giáo viên, của sinh viên sẽ chuyển lên môi trường số” (Nguyễn Mạnh Hùng, 2020).

Những năm gần đây, chuyển đổi số trong giáo dục đại học đã có những thay đổi đáng kể. Các cơ quan quản lý, cơ sở giáo dục đã xây dựng chiến lược, kế hoạch và xác định lộ trình cho sự chuyển mình mạnh mẽ này. Đặc biệt, sau khi “Chương trình chuyển

đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3 tháng 6 năm 2020; cùng với “cú huých trăm năm cho chuyển đổi số” của đại dịch Covid-19, các cơ sở đào tạo buộc phải đẩy nhanh việc áp dụng công nghệ, thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, vận hành và trong hoạt động giáo dục, đào tạo. Chuyển đổi số là giải pháp sống còn để duy trì hoạt động liên tục của nhà trường, để đảm bảo giảng đường có thể đóng cửa, nhưng sinh viên không thể dừng học tập.

Theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia, giáo dục là một trong những ngành ưu tiên chuyển đổi số trước, với mục tiêu đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 “100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học” (Chính phủ, 2020). Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực cũng đã đề xuất chọn chuyển đổi số là khâu đột phá ngành giáo dục và đào tạo, nhất là đại học và dạy nghề, để ngành giáo dục và đào tạo Việt Nam bứt phá vươn lên, thay đổi thứ hạng, vào nhóm hàng đầu, sánh vai cường quốc năm châu về giáo dục và đào tạo.

Với vai trò là bộ đồng hành cùng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Thông tin và truyền thông cho rằng mục tiêu của chuyển đổi số trong giáo dục đại học là nâng cao chất lượng đào tạo, nhưng giảm tải cho giáo viên, hỗ trợ các công cụ giảng dạy mới cho giáo viên; tập trung vào thay đổi mô hình đào tạo thông qua việc áp dụng công nghệ số. Việc đầu tiên cần làm là “chuyển đổi toàn bộ trường đại học thành một “quốc gia số” thu nhỏ. Toàn bộ hoạt động của đại học, của giáo viên, của sinh viên sẽ chuyển lên môi trường số” (Nguyễn Mạnh Hùng, 2020).

Có nhiều quan điểm khác nhau về nội dung của chuyển đổi số trong giáo dục và giáo dục đại học. Theo Ed Clark ở Đại học St. Thomas, Hoa Kỳ, chuyển đổi số có nghĩa là tăng cường hoạt động kinh doanh cốt lõi của tổ chức để đáp ứng các yêu cầu của khách hàng một cách hiệu quả bằng cách tận dụng dữ liệu và công nghệ (Ed Clark, 2018). Trong ngành giáo dục, khách hàng mục tiêu có thể là sinh viên, giảng viên, nhân viên và cựu sinh viên; việc số hóa ngành giáo dục có thể mang lại lợi ích cho cả sinh viên và giảng viên. Vì vậy, chuyển đổi số nhằm mục đích thay đổi trải nghiệm của sinh viên có thể bao gồm các mục như:

- Tuyển sinh số, sử dụng mạng xã hội và tin nhắn văn bản như một phần của quá trình quyết định theo hướng dữ liệu.
- Cho phép sinh viên đăng ký học qua điện thoại di động trên hệ thống thông tin trực tuyến.
- Cung cấp nhiều lớp học trực tuyến để sinh viên có đủ các khóa học để lựa chọn vào những thời điểm quan trọng trong quá trình học tập của họ.
- Làm việc với các giảng viên và các chương trình để chuyển đổi các khóa học sang các mô hình lớp học đảo ngược và lớp học hỗn hợp.
- Sử dụng công nghệ để theo dõi các chỉ số đo lường sự tiến bộ và thành công của học sinh và thực hiện các giao thức can thiệp.
- Hợp tác với ngành công nghiệp để cung cấp huy hiệu và chứng chỉ số nhằm nâng cao cơ hội nghề nghiệp.

Kết hợp các mục này thành một quá trình chuyển đổi số trên diện rộng, các nhóm trong toàn bộ cơ sở giáo dục sẽ làm việc cùng nhau để đặt trải nghiệm của sinh viên lên

hàng đầu. Hơn nữa, tổ chức có thể kết hợp dữ liệu từ các quy trình số mới để quyết định và cung cấp năng lượng cho quá trình chuyển đổi tiếp theo.

Theo Akash Takyar, chuyển đổi số trong giáo dục không chỉ có nghĩa là cải thiện trải nghiệm của học sinh; nó cũng tập trung vào việc tăng cường môi trường khuôn viên trường, phương pháp giảng dạy và học tập. Ông cho rằng, chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục được chia thành ba loại: (1) Chuyển đổi trong môi trường, khuôn viên nhà trường; (2) Chuyển đổi trong phương pháp học tập; (3) Chuyển đổi trong phương pháp giảng dạy (Akash Takyar, 2020).

Ở Việt Nam, chuyển đổi số trong giáo dục đại học được đề cập trong một số văn bản, công trình nghiên cứu. Trong Chương trình chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số trong giáo dục được đề cập là “Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa” (Chính phủ, 2020).

Mặc dù có thể có những cách tiếp cận, diễn đạt khác nhau, nhưng hầu hết các quốc gia, các nhà quản lý giáo dục đều xác định chuyển đổi số trong giáo dục là cung cấp trải nghiệm học tập chất lượng cao cho sinh viên trên toàn quốc bằng cách sử dụng công nghệ với mục tiêu mang lại sự công bằng và khả năng tiếp cận cao hơn, tập trung vào các trụ cột được xây dựng trong Kế hoạch công nghệ giáo dục quốc gia Hoa Kỳ: (1) Học tập; (2) Dạy học; (3) Lãnh đạo; (4) Đánh giá; (5) Cơ sở hạ tầng (Bộ Giáo dục Hoa Kỳ, 2016).

Chuyển đổi số không chỉ làm nổi bật những giá trị nó có thể mang lại, mà còn đặt ra những thách thức, khó khăn trong bước các cơ sở giáo dục phải đổi mới và cần tìm ra giải pháp khắc phục.

2.3. Những thách thức trong chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay

Thực tiễn hiện nay và dự báo trong thời gian tới cho thấy, chuyển đổi số trong giáo dục đại học ở Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn nhất định. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, đòi hỏi sự hội nhập về kinh tế quốc tế, giáo dục đại học không thể đứng ngoài cuộc. Sự bùng nổ của công nghệ đang tạo ra nhiều phương thức giáo dục mới, thông minh hơn, hiệu quả hơn, tiết kiệm nhiều chi phí hơn, làm cho giáo dục truyền thống bộc lộ những bất cập nhất định. Cụ thể:

(i) Trong quản lý, điều hành: Ở những nhà trường chưa đồng bộ về cơ sở hạ tầng công nghệ, quản lý, điều hành và chế độ báo cáo của nhà trường được sử dụng thông qua hệ thống văn bản hành chính, báo cáo trực tiếp, lưu giữ văn bản cứng. Sự tiếp cận thông tin, dữ liệu của lãnh đạo nhà trường và của các bộ phận, người học đối với nhà trường bị hạn chế, không đảm bảo tính liên thông, minh bạch, kịp thời.

(ii) Trong quảng bá thông tin và tuyển sinh: Từ xưa, việc cung cấp thông tin của các trường thường thông qua các ấn phẩm giấy, định kì phát hành hàng năm. Cùng với sự phát triển của internet, mạng xã hội, các cơ sở đào tạo đã sử dụng các công website của nhà trường, quảng cáo để cung cấp thông tin. Tuy nhiên, việc cung cấp đó mang tính một chiều từ nhà trường, không có phản hồi trực tiếp. Nếu có nhu cầu, người học phải sử dụng kênh thông tin khác như điện thoại, thư tay... Việc tư vấn tuyển sinh phải đi và đến trực tiếp. Điều đó dẫn đến sự tốn kém về thời gian và chi phí, hiệu quả không cao.

(iii) Về phía người học: So với việc ứng dụng công nghệ mạnh mẽ, hình thức giáo dục truyền thống đã làm cho người học hạn chế về cơ hội học tập, nghiên cứu. Việc trực tiếp đến trường, lên lớp dẫn đến thời gian và chi phí cho di chuyển. Người học không thể hoặc rất khó có thể học đồng thời hai hay nhiều chương trình đào tạo ở nhiều nơi khác nhau. Cơ hội tiếp xúc với các chuyên gia, trải nghiệm thực tế ảo trong lĩnh vực nghiên cứu còn hạn chế.

(iv) Về phía người dạy và các nhà nghiên cứu: Việc chia sẻ thông tin, kết quả nghiên cứu trước đây còn rất hạn chế. Người ta chỉ có thể đọc sách nếu đến trực tiếp tại nơi lưu giữ bảo quản sách, các chuyên gia, giáo sư chỉ có thể chia sẻ, giảng dạy, trao đổi thảo luận tại các lớp học, hội thảo trực tiếp trong giới hạn về chi phí, thời gian và người tham dự. Mặt khác, trong giáo dục truyền thống, yêu cầu phát triển kỹ năng công nghệ và thay đổi khả năng thích nghi được cán bộ, giáo viên đặt ra không cấp thiết, vì thế, việc học và tự học của họ không thực sự áp lực. Do vậy, việc phát triển về kỹ năng của người dạy trong xã hội hiện đại vẫn còn nhiều khó khăn.

Có thể nói, so với các bậc giáo dục mầm non và phổ thông, ở bậc đại học, sinh viên là những người trẻ, năng động và có kiến thức về công nghệ và khả năng thích nghi với điều kiện, môi trường mới. Hơn nữa, người học và đội ngũ giảng viên, cán bộ trong các cơ sở đào tạo đã có sự sàng lọc nhất định về kiến thức, trình độ chuyên môn. Do vậy, rất thuận lợi để xây dựng một xã hội số, không chỉ cho việc học mà cả việc quản lý, điều hành. Muốn đào tạo nhân lực thời chuyển đổi số thì hãy cho mọi người sống, học tập và làm việc trong môi trường số, đây cũng là cách đào tạo kỹ năng số tốt nhất.

Trong thời gian tới, chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học cũng gặp những khó khăn, thách thức đáng kể.

Thứ nhất, chiến lược và định hướng trong chuyển đổi số

Thật khó khăn khi thực hiện một quá trình chuyển đổi mà những người liên quan không rõ ràng về kế hoạch, chiến lược, lộ trình và mục tiêu. Điều đó sẽ làm cho họ thấy mơ hồ, thiếu tin tưởng và không quyết tâm đồng hành với quá trình thay đổi. Do vậy, để có thể thành công của chuyển đổi số là xác định được chiến lược rõ ràng bao gồm:

(i) Nhà trường muốn đạt được những gì qua mỗi giai đoạn của quá trình chuyển đổi số, và tại sao?

(ii) Các giai đoạn cần phải thực hiện để đạt được mục tiêu của chuyển đổi số?

(iii) Trong quá trình chuyển đổi số, nhà trường hỗ trợ như thế nào cho người dạy và người học?

Việc có một kế hoạch, chiến lược rõ ràng giúp những người tham gia biết được những gì đang mong đợi họ ở cuối quá trình, giúp cho nhà trường để có thể đo lường được kết quả, sự tiến bộ trong quá trình chuyển đổi.

Thứ hai, thói quen với phương pháp giáo dục truyền thống và nhận thức về chuyển đổi số

Truyền thống giáo dục Việt Nam từ xưa đã gắn liền với vai trò người thầy, giảng đường, bảng đen, phấn trắng. Dù trong lớp học theo phương pháp “người học làm trung tâm” hay người thầy làm trung tâm” cũng không thể thiếu được sự xuất hiện trực tiếp của người thầy với vai trò chuyên tải kiến thức, tổ chức các hoạt động học tập và kiểm soát kết quả, chất lượng. Kênh giao tiếp giữa người dạy và người học là giao tiếp trực tiếp, lớp học

là lớp học thực tế. Phương pháp truyền thống đó đã mang lại những thành tựu và kết quả tốt đẹp cho giáo dục và đào tạo Việt Nam trong suốt thời gian qua.

Nhìn chung, mọi người luôn thích làm việc với những gì quen thuộc. Đặc biệt, những cái quen thuộc đó đã rất tốt, vẫn giúp họ hoàn thành tốt nhiệm vụ, khẳng định được vai trò của mình trên thực tế. Vì thế, việc thuyết phục mọi người chuyển sang một mô hình mới, hình thức mới là điều không dễ dàng, nhất là khi cái mới chưa rõ ràng, chưa cụ thể về kết quả và đích đến. Sự thành công của chuyển đổi số phải nằm ở trong tư duy, trong cách tiếp cận và giải quyết vấn đề hàng ngày, hàng giờ của những người trong cuộc. trong nhà trường, nếu không mỗi người quản lý, giảng viên không có tư duy số hóa, văn hóa không nuôi dưỡng sự đổi mới, thì đừng mong có một công nghệ nào có thể cứu sống được doanh nghiệp (Digitaltransformation, 2020).

Thứ ba, năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng của cán bộ, giảng viên để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

Để có thể chuyển đổi số trong giáo dục, thay đổi lớp học trực tiếp, thực tế, sang lớp học trực tuyến, “lớp học số” đòi hỏi người dạy và người học phải đáp ứng những yêu cầu nhất định về cả kiến thức, kỹ năng và tâm lý/ thái độ.

Ngược lại, khi có đủ kiến thức/ nhận thức, mọi người sẵn sàng, tự tin để có thể chấp nhận, đạt được chuyển đổi số. Chuyển đổi số trong giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng không chỉ đơn giản là sử dụng bài giảng điện tử, số hoá tài liệu hay dạy học từ xa. Nhiều tổ chức nhúng chân vào làn sóng chuyển đổi số tưởng tượng rằng việc đưa các video bài giảng lên mạng là đủ, nhưng có sự khác biệt rất lớn giữa đào tạo từ xa và một cơ sở giáo dục số thực sự.

Để mọi người có thể tự tin và thích ứng với chuyển đổi số, người dạy và người học, người quản lý cần có kỹ năng cần thiết để sử dụng hiệu quả các công nghệ, thiết bị; khoảng cách về kiến thức và kỹ năng trong sử dụng công nghệ cần được rút ngắn và hướng tới xoá bỏ. Yếu tố về kỹ năng công nghệ là một yếu tố quan trọng cần cân nhắc, khắc phục để các cơ sở giáo dục đại học chuyển đổi số thành công.

Thứ tư, tính đồng bộ và hoàn thiện của hạ tầng công nghệ

Công nghệ là yếu tố đóng vai trò then chốt trong quá trình chuyển đổi số, là chìa khoá của sự thành công, đặc biệt là công nghệ mới trong những năm gần đây. Có thể nói, vấn đề chuyển đổi số được đặt ra khi khoa học công nghệ của thế giới và Việt Nam đã đạt đến một mức độ nhất định.

Công nghệ đã được đưa vào các cơ sở giáo dục đại học trong suốt hơn 20 năm qua để hỗ trợ cho các nhà quản lý trong quản lý, vận hành nhà trường, hỗ trợ cho giảng viên trong dạy và học. Tuy nhiên, mức độ hoàn thiện và chất lượng của hệ thống, hạ tầng công nghệ là không đồng đều trong các cơ sở giáo dục đại học.

Hiện nay, hầu hết các cơ sở giáo dục đã số hoá cơ sở dữ liệu trong tổ chức và vận hành cơ sở. Tuy nhiên, vẫn còn những cơ sở thiếu/ chưa tích hợp đầy đủ lượng dữ liệu phong phú này. Điều này sẽ tạo ra sự bất lợi cho nhà trường trong việc quản lý và khó khăn cho sinh viên trong việc tiếp cận. Vì vậy, cần tạo cơ hội để người học được trải nghiệm đầy đủ thông tin về nhà trường; cần nâng cấp thiết bị, công nghệ, tạo ra công cụ để phân tích dữ liệu quan trọng này để nâng cao năng lực của cơ sở đào tạo trong tương lai.

Với hệ thống chưa tích hợp, nhà trường phải đối mặt với việc đầu tư chi phí để nâng cấp thiết bị, hệ thống một cách đồng bộ, đầy đủ. Vì thế, tính đồng bộ và hoàn thiện

của hạ tầng công nghệ là thách thức lớn đối với cơ sở giáo dục. Các trường phải có giải pháp phù hợp trong việc nâng cấp, điều chỉnh hệ thống để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

3. Kết luận

Chuyển đổi số không còn là điều tốt đẹp nên có. Trong thời đại công nghệ, chuyển đổi số là điều bắt buộc đối với tất cả các ngành, các nghề, các cơ sở giáo dục đại học. Hiểu bối cảnh, vai trò của chuyển đổi số và cách triển khai thành công góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, khẳng định vị thế của các cơ sở giáo dục đại học trên bảng xếp hạng trong nước, khu vực và trên thế giới. Những thuận lợi sẽ tạo đà cho chuyển đổi số nhanh hơn, mạnh hơn, đồng thời, các cơ sở cũng phải xác định được các rào cản, khó khăn để sẵn sàng đổi mới, tìm cách khắc phục bằng các giải pháp cụ thể, hướng tới chuyển đổi số thành công, mang lại lợi ích cho người học, nâng cao vị thế và sức cạnh tranh của cơ sở giáo dục đại học. Đề chuyển đổi số nói chung và chuyển đổi số trong giáo dục đại học nói riêng, cần xác định được các điều kiện đảm bảo cho quá trình này diễn ra cũng như cân nhắc, lựa chọn các giải pháp phù hợp với đặc thù của quốc gia và của mỗi cơ sở đào tạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Akash Takyar (2020). *Digital transformation in education industry*, <https://www.leewayhertz.com/digital-transformation-in-education/> (Truy cập ngày 20/7/2021).
- Bộ Giáo dục Hoa Kỳ (2017). *National Education Technology Plan*. <https://tech.ed.gov/netp/#collapseaccordionone> (truy cập ngày 30/7/2021).
- Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020). Quyết định số 749/QĐ-TTg. *Quyết định phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*
- Ed Clark (2018). *Digital Transformation: What Is It?* <https://er.educause.edu/articles/2018/5/digital-transformation-what-is-it#fn3> (Truy cập ngày 28/7/2021)
- Nguyễn Mạnh Hùng (2020). *Phát biểu tại Hội thảo về chuyển đổi số giáo dục và đào tạo* https://www.mic.gov.vn/mic_2020/Pages/TinTuc/146041/Toan-van-phat-bieu-cua-Bo-truong-Nguyen-Manh-Hung-ve-chuyen-doi-so-giao-duc.html (Truy cập ngày 20/7/2021)
- I-Scoop (2020). *Hướng dẫn trực tuyến về chuyển đổi kinh doanh số*. <https://www.i-scoop.eu/digital-transformation/> (truy cập ngày 30/7/2021).
- Microsoft (2020). *A Year of Change: Digital Transformation Trends in 2020*. <https://www.elysianit.com/wp-content/uploads/2021/01/Msft-Digital-transformation-trends-in-2020.pdf>
- The enterprisers project (2016). *What is digital transformation?* <https://enterprisersproject.com/what-is-digital-transformation> (Truy cập ngày 30/7/2021).

SUMMARY

DIGITAL TRANSFORMATION IN HIGHER EDUCATION IN VIETNAM AND ITS CHALLENGES NOWADAYS

Ho Thi Duyen

Vinh University

Received on 10/11/2021, accepted for publication on 28/12/2021

In June 2020, the Prime Minister has approved the plan for National Digital Transformation Program to 2025, vision to 2030, in which education is one of the most prioritized domains. In this program, higher education takes the pioneer mission to accelerate innovation process, enhance education quality, actively contribute to the nationwide digital transformation. This article researches the meaning of the term “digital transformation” and its impacts, as well as analyzes the application of digital transformation in higher education, in relation to the traditional higher education in Vietnam, in order to understand the insufficiencies of the current model of education and the needs of applying digitalization. The article also names the challenges that education institutions must face when bringing this plan to reality. Defining these challenges is a prerequisite of providing solutions and building the strategy, to ensure the success of digital transformation mission in Vietnam higher education.

Keywords: Digital transformation; higher education; challenge.